



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2015	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn" cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.)

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 9 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.250.600.000 đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Low Kok Ann	Phó Chủ tịch
Bà Đỗ Hạnh Minh Châu	Thành viên
Ông Đỗ Duy Huỳnh	Thành viên
Ông Low See Ching	Thành viên
Ông Tay Eng Kiat Jackson	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Wu Pei Cong	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Mai Thị Xuân Vương	Thành viên
Ông Mai Quốc Khoa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Hồng Phúc	Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



ĐỖ HỒNG PHÚC



Số: 15.281A/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 09 tháng 9 năm 2015 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1

1020
CÔ
:CH
KIỂM
D.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.263.312.109	130.612.754.154
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.111.998.277	13.889.789.738
1. Tiền	111		5.400.986.492	6.845.219.339
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.711.011.785	7.044.570.399
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	18.288.823.869	30.726.960.514
1. Phải thu khách hàng	131		16.091.356.559	26.961.984.625
2. Trả trước cho người bán	132		2.262.049.679	3.404.859.362
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		56.380.385	360.116.527
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(120.962.754)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	123.466.800.987	80.265.447.617
1. Hàng tồn kho	141		126.573.165.480	81.071.935.084
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.106.364.493)	(806.487.467)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.395.688.976	5.730.556.285
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.819.454.257	1.312.253.642
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.271.570.710	2.301.254.543
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		78.457.888	1.884.793.049
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		226.206.121	232.255.051

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.523.578.281	29.280.406.995
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.567.912.762	2.303.582.866
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	4.428.326.107	2.128.729.539
+ Nguyên giá	222		6.104.956.314	3.009.274.814
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.676.630.207)	(880.545.275)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	139.586.655	174.853.327
+ Nguyên giá	228		391.160.000	307.640.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(251.573.345)	(132.786.673)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		21.647.322.917	20.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	21.647.322.917	20.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.308.342.602	6.976.824.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	4.073.295.118	3.917.717.488
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	806.416.608	332.588.641
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	3.428.630.875	2.726.518.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		194.786.890.390	159.893.161.149

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.321.534.415	68.219.455.680
I. Nợ ngắn hạn	310		66.321.534.415	68.219.455.680
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	22.033.240.320	21.617.805.000
2. Phải trả người bán	312	5.11	23.775.796.680	24.546.734.831
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	5.612.640.483	11.104.422.236
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	9.101.561.095	6.342.063.609
5. Phải trả người lao động	315		9.189.823	-
6. Chi phí phải trả	316	5.13	5.621.443.536	4.125.455.165
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		167.662.478	482.974.839
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.14	128.465.355.974	91.673.705.469
I. Vốn chủ sở hữu	410		128.465.355.974	91.673.705.469
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.250.600.000	24.250.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.328.949.300	43.328.949.300
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		60.885.806.674	24.094.156.169
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		194.786.890.390	159.893.161.149

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		6.066,22	5.004,57
+ EUR		1.001,18	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN XUÂN NHÂN
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

ĐỖ HỒNG PHÚC
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		301.813.975.633	233.124.552.502
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.275.385.350	4.305.225.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	292.538.590.283	228.819.326.802
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	161.486.416.891	135.991.531.727
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		131.052.173.392	92.827.795.075
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.373.587.880	1.005.926.869
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.455.778.203	1.477.050.335
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		880.842.635	379.159.904
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	72.772.993.989	54.541.542.899
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	14.355.114.452	10.803.574.011
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.841.874.628	27.011.554.699
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.044.902.364	1.866.179.987
12. Chi phí khác	32	6.8	312.374.538	129.435.198
13. Lợi nhuận khác	40		1.732.527.826	1.736.744.789
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		47.574.402.454	28.748.299.488
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	11.256.579.916	7.175.181.238
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.10	(473.827.967)	(151.050.455)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		36.791.650.505	21.724.168.705
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		36.791.650.505	21.724.168.705
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	15.14.4	15.171,40	8.958,20

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

CỔ PHẦN
QUỐC TẾ GÓM SỨ
VIỆT

ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.574.402.454	28.748.299.488
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.090.136.774	949.355.067
Các khoản dự phòng	03		2.420.839.780	267.955.098
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		865.893.089	272.395.512
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.037.769.896)	(993.602.475)
Chi phí lãi vay	06		880.842.635	379.159.904
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		50.794.344.836	29.623.562.594
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.119.532.253)	(14.094.874.816)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(45.501.230.396)	(27.400.532.891)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.175.909.293	11.370.012.454
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(662.778.245)	(1.037.810.878)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.064.383.027)	(9.559.904)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.606.173.926)	(1.131.439.072)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	12.937.658.222
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(811.060.875)	(9.828.331.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.205.095.407	428.684.107
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.477.140.143)	(1.994.597.809)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		390.446.979	993.602.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.986.693.164)	(21.000.995.334)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	23.622.552.013
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(2.520.417.180)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	21.102.134.833
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		218.402.243	529.823.606
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.889.789.738	13.359.966.132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.806.296	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		14.111.998.277	13.889.789.738

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT

ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 9 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 24.250.600.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 178 nhân viên (30/6/2014: 149 nhân viên).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết:

- + Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường;
- + Bán buôn bình đun nước nóng;
- + Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác;
- + Bán buôn các loại đá thiên nhiên, đá hoa cương, đá cẩm thạch.

- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, véc ni và sơn bóng; kính phẳng; gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; thiết bị và vật liệu để tự làm; máy cắt cỏ; phòng tắm hơi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH Một Thành Viên Đá Thế Giới	778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/07 đến 30/06.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt, báo cáo tài chính công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh khi thanh toán và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong phần "Vốn chủ sở hữu".

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan giá vốn công cụ, dụng cụ và các chi phí khác chờ phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2015</u>
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	01 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 03 năm

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10 Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

4.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.14 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành.
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế 10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.15 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.17 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	VND Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
Phải trả cho người lao động	-	2.900.000.000
Chi phí phải trả	4.125.455.165	1.225.455.165

Bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất(Trích)

	Năm trước (Phân loại lại)	VND Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11.370.012.454	11.739.612.454
Tiền lãi vay đã trả	(9.559.904)	(379.159.904)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	424.713.764	426.018.378
Tiền gửi ngân hàng	4.976.272.728	6.419.200.961
Các khoản tương đương tiền	8.711.011.785	7.044.570.399
Tổng cộng	14.111.998.277	13.889.789.738

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu khách hàng	16.091.356.559	26.961.984.625
Trả trước cho người bán	2.262.049.679	3.404.859.362
Các khoản phải thu khác	56.380.385	360.116.527
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	18.409.786.623	30.726.960.514
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(120.962.754)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	18.288.823.869	30.726.960.514

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.338.750.180	954.097.358
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.418.164	-
Hàng hóa	125.230.997.136	80.117.837.726
Cộng giá gốc hàng tồn kho	126.573.165.480	81.071.935.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.106.364.493)	(806.487.467)
Giá trị thuần có thể thực hiện	123.466.800.987	80.265.447.617

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 2.299.877.026 đồng do hàng chậm luân chuyển.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	611.863.304	594.435.060
Chi phí chờ kết chuyển	1.207.590.953	717.818.582
Tổng cộng	1.819.454.257	1.312.253.642

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND			
	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.095.397.164	320.623.027	593.254.623	3.009.274.814
Mua trong năm	3.091.026.688	189.711.636	-	3.280.738.324
Thanh lý trong năm	(185.056.824)	-	-	(185.056.824)
Số dư cuối năm	5.001.367.028	510.334.663	593.254.623	6.104.956.314
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	394.364.627	107.402.196	378.778.452	880.545.275
Khấu hao trong năm	683.130.414	117.239.318	170.980.370	971.350.102
Giảm do thanh lý	(175.265.170)	-	-	(175.265.170)
Số dư cuối năm	902.229.871	224.641.514	549.758.822	1.676.630.207
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.701.032.537	213.220.831	214.476.171	2.128.729.539
Tại ngày cuối năm	4.099.137.157	285.693.149	43.495.801	4.428.326.107

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 45.521.663 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND
Khoản mục	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	307.640.000
Mua trong năm	83.520.000
Số dư cuối năm	<u>391.160.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	132.786.673
Khấu hao trong năm	118.786.672
Số dư cuối năm	<u>251.573.345</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	174.853.327
Tại ngày cuối năm	<u>139.586.655</u>

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản tiền gửi dài hạn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Vietcombank. Lãi suất 6%/năm. Thời hạn gửi là 13 tháng. Mục đích gửi tiền là làm tài sản thế chấp để mở LC.

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa các showroom, văn phòng và kho	2.346.436.455	3.835.635.692
Công cụ dụng cụ	36.491.419	82.081.796
Chi phí chờ phân bổ	322.817.458	-
Khác	1.367.549.786	-
Tổng cộng	<u>4.073.295.118</u>	<u>3.917.717.488</u>

5.9. Tài sản dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê nhà	2.623.690.875	2.127.630.000
Đặt cọc thuê kho	434.940.000	543.888.000
Đặt cọc thuê Showroom	235.000.000	50.000.000
Khác	135.000.000	5.000.000
Tổng cộng	<u>3.428.630.875</u>	<u>2.726.518.000</u>

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay USD của Công ty TNHH Hafary PTE theo Hợp đồng vay số 01/VCI-H ngày 01/02/2014 và phụ lục hợp đồng ngày 30/1/2015. Giá trị 22.033.240.320 VND (tương đương 1.008.898 USD). Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	23.775.796.680	24.546.734.831
Người mua trả tiền trước	5.612.640.483	11.104.422.236
Tổng cộng	29.388.437.163	35.651.157.067

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	318.391.389	246.165.671
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.694.148.155	6.043.742.165
Thuế thu nhập cá nhân	86.052.951	52.155.773
Các loại thuế khác	2.968.600	-
Tổng cộng	9.101.561.095	6.342.063.609

5.13. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước tiền lương	4.300.000.000	2.900.000.000
Chi phí phải trả khác	1.321.443.536	1.225.455.165
Tổng cộng	5.621.443.536	4.125.455.165

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	24.250.600.000	43.328.949.300	2.369.987.464	69.949.536.764
Lợi nhuận năm trước	-	-	21.724.168.705	21.724.168.705
Số dư đầu năm nay	24.250.600.000	43.328.949.300	24.094.156.169	91.673.705.469
Lợi nhuận trong năm	-	-	36.791.650.505	36.791.650.505
Số dư cuối năm nay	24.250.600.000	43.328.949.300	60.885.806.674	128.465.355.974

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các cá nhân	12.367.800.000	12.367.800.000
Vốn góp của Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE	11.882.800.000	11.882.800.000
Tổng cộng	24.250.600.000	24.250.600.000

5.14.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.425.060	2.425.060

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	36.791.650.505	21.724.168.705
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.425.060	2.425.060
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	15.171,40	8.958,20

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	301.813.314.218	233.124.552.502
Hàng bán bị trả lại	(9.274.723.935)	(4.305.225.700)
Doanh thu thuần	292.538.590.283	228.819.326.802

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	159.186.539.865	135.713.833.309
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.299.877.026	277.698.418
Tổng cộng	161.486.416.891	135.991.531.727

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.037.769.896	993.602.475
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.335.817.984	12.324.394
Tổng cộng	4.373.587.880	1.005.926.869

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	880.842.635	379.159.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	709.042.479	825.494.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	865.893.089	272.395.512
Tổng cộng	2.455.778.203	1.477.050.335

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	20.769.978.828	14.123.788.144
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.199.545.577	2.119.503.752
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.090.136.774	949.355.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.004.774.100	28.670.325.351
Chi phí bằng tiền khác	13.708.558.710	8.678.570.585
Tổng cộng	72.772.993.989	54.541.542.899

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.409.198.107	8.299.219.665
Chi phí dự phòng	120.962.754	-
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	81.990.881	164.266.308
Thuế, phí và lệ phí	70.216.422	191.491.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.498.166.503	1.062.854.306
Chi phí bằng tiền khác	2.174.579.785	1.085.741.754
Tổng cộng	14.355.114.452	10.803.574.011

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phí vận chuyển	96.289.715	88.688.909
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	9.270.000	316.017.273
Thu thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	100.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	1.771.795.129	786.811.925
Khác	67.547.520	674.661.880
Tổng cộng	2.044.902.364	1.866.179.987

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	97.798.210	-
Thuế GTGT, TNDN truy thu	152.209.303	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.791.654	-
Chi phí khác	52.575.371	129.435.198
Tổng cộng	312.374.538	129.435.198

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và công ty con	47.574.402.454	28.748.299.488
Điều chỉnh để xác định thu nhập tính thuế:		
+ Các khoản chi phí không được trừ	2.065.242.387	2.678.171.331
+ Lãi/lỗ chưa thực hiện	2.153.763.491	(549.817.903)
+ Chuyển lỗ các năm trước chuyển sang	-	(343.966.798)
+ Giảm khác	(627.135.986)	
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	51.166.272.346	30.532.686.118
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất 25%	-	15.266.343.059
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất 22%	51.166.272.346	15.266.343.059
Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 25%	-	3.816.585.765
Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 22%	11.256.579.916	3.358.595.473
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	11.256.579.916	7.175.181.238
Chi phí thuế TNDN trong năm	11.256.579.916	7.175.181.238

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như không có chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SÚ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND
	Lãi chưa thực hiện hàng tồn kho
Số dư đầu năm nay	(332.588.641)
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm nay	(473.827.967)
Số dư cuối năm nay	(806.416.608)

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng bán thương mại	161.486.416.891	135.991.531.727
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.805.571.190	1.302.622.406
Chi phí nhân công	31.179.176.935	22.423.007.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.090.136.774	949.355.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.560.537.782	30.735.631.241
Chi phí khác bằng tiền	17.492.685.760	9.934.500.387
Tổng cộng	248.614.525.332	201.336.648.637

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE.
- Ông Đỗ Hồng Phúc

Mối quan hệ

Cổ đồng có ảnh hưởng đáng kể

Tổng Giám Đốc và cổ đồng có ảnh hưởng đáng kể

- Trong năm, Tập đoàn không có giao dịch nội bộ trọng yếu nào với các bên liên quan.
- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	2.553.060.000	1.263.660.000
Tổng cộng	2.553.060.000	1.263.660.000

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đồng thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	01/7/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.111.998.277	13.889.789.738
Phải thu khách hàng	15.970.393.805	26.961.984.625
Đầu tư dài hạn khác	21.647.322.917	20.000.000.000
Tài sản tài chính khác	3.431.979.996	2.729.867.121
Tổng cộng	55.161.694.995	63.581.641.484
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	22.033.240.320	21.617.805.000
Phải trả người bán và phải trả khác	23.775.796.680	24.546.734.831
Chi phí phải trả	5.621.443.536	4.125.455.165
Tổng cộng	51.598.143.014	50.289.994.996

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2015	01/07/2014	30/06/2015	01/07/2014
Đô la Mỹ (USD)	1.773.015,72	1.902.853,45	6.066,22	51.596,28
Euro (EUR)	278.027,46	205.005,48	1.001,18	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

			VND
30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	23.775.796.680	-	23.775.796.680
Chi phí phải trả	5.621.443.536	-	5.621.443.536
Các khoản vay	22.033.240.320	-	22.033.240.320
01/7/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	24.546.734.831	-	24.546.734.831
Chi phí phải trả	4.125.455.165	-	4.125.455.165
Các khoản vay	21.617.805.000	-	21.617.805.000

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	15.970.393.805	-	15.970.393.805
Đầu tư dài hạn khác	-	21.647.322.917	21.647.322.917
Tài sản tài chính khác	3.349.121	3.428.630.875	3.431.979.996
01/7/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	26.961.984.625	-	26.961.984.625
Đầu tư dài hạn khác	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính khác	3.349.121	2.726.518.000	2.729.867.121

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 09 tháng 9 năm 2015.

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN XUÂN NHÀN
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2015



NGƯỜI DUYỆT

ĐỖ HỒNG PHÚC
Tổng Giám đốc